

Số: 125/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

## **NGHỊ QUYẾT**

### **Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, của Trường Đại học Thành Đô**

## **HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Thành Đô, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Thành Đô của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **40** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **80%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Thành Đô và Khoa Du lịch – Ngoại ngữ cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Thành Đô.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đinh Văn Toàn**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 125/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                             | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                             |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67%                      | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                        | 100%                        |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67%                      | Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 2.2            | 3                          |                             |                          |                             | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,00                        | 5                        | 100%                        |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67%                      | Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67%                      | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 4,00                        | 4                        | 80%                         |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.1            | 5                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 4.2            | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.2            | 3                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 3,80                        | 4                        | 80%                         | Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                          |                             | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 3,83                        | 5                        | 83,33%                      |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          | Tiêu chí 10.2               | 4                        |                             |                         |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          | Tiêu chí 10.3               | 4                        |                             |                         |                            |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 3,71                        | 5                        | 71,43%                      | Tiêu chí 10.4           | 3                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.1            | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.2            | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                          |                             | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 3,80                        | 4                        | 80%                         |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          | Tiêu chí 11.1               | 4                        |                             |                         |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          | Tiêu chí 11.2               | 4                        |                             |                         |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          | Tiêu chí 11.3               | 4                        |                             |                         |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.7            | 4                          | Tiêu chí 11.4               | 3                        |                             |                         |                            |                             |                          |                             |
|                         |                            |                             |                          |                             | Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                          |                             |
| Đánh giá chung CTĐT     |                            | Số tiêu chí đạt             |                          |                             |                         | Tỉ lệ số tiêu chí đạt      |                             |                          |                             |
|                         |                            | 40                          |                          |                             |                         | 80%                        |                             |                          |                             |

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 125/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (CTĐT) của Trường Đại học Thành Đô đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2017-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Bản mô tả CTĐT có khá đầy đủ nội dung cập nhật. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh; các khối kiến thức có mối quan hệ logic, tiếp nối. Các hoạt động dạy và học chú trọng thực hành, thực tập và cơ bản chuyển tải được mục tiêu giáo dục của Trường. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, hướng dẫn và công bố công khai; quy trình phúc tra phúc khảo dễ tiếp cận. Tiêu chí, quy trình tuyển dụng, nhiệm vụ của giảng viên được xác định rõ ràng, công bố công khai; có chính sách hỗ trợ tài chính mạnh nhằm thu hút giảng viên trình độ cao cho CTĐT. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, quy trình thực hiện theo quy định; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành. Cảnh quan môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động; an ninh an toàn được đảm bảo. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư, đáp ứng yêu cầu phục vụ CTĐT. Hệ thống khảo sát, cơ chế phản hồi các bên liên quan được triển khai góp phần hỗ trợ cải tiến chất lượng các hoạt động của CTĐT. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT được khảo sát, kết quả phân tích đã góp phần giúp Trường và Khoa nhận diện khá đầy đủ tình hình hoạt động đào tạo và hỗ trợ sinh viên. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ tốt nghiệp có việc làm và tự tạo việc làm cao.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Du lịch – Ngoại ngữ cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hoàn thiện quy định về công tác xây dựng, cải tiến chuẩn đầu ra và CTĐT theo các quy định hiện hành; thực hiện đầy đủ các quy trình thủ tục theo quy định; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, điều chỉnh năng lực tiếng Anh và các năng lực kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu quy định và phản ánh rõ nét hơn triết lý giáo dục của Nhà trường, có thể đo lường được và thể hiện đầy đủ hơn yêu cầu của các vị trí việc làm.

2. Rà soát, điều chỉnh ma trận liên kết mục tiêu và chuẩn đầu ra, bổ sung sơ đồ cây chương trình; rà soát, cập nhật cấu trúc và nội dung đề cương các học phần đảm bảo các thông tin và nội dung mô tả đầy đủ, phù hợp và nhất quán; xác định chi tiết các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; đa dạng hơn các hình thức phổ biến giúp sinh viên sớm được tiếp cận và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

3. Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, lấy ý kiến của các bên liên quan và tham chiếu đầy đủ các khung pháp lý để tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT một cách mạnh mẽ, đột phá hơn; tăng cường các kiến thức về giảng dạy tiếng Anh tích hợp với năng lực số; cân nhắc thay thế bằng các học phần về ngôn ngữ học ứng dụng, văn hóa, văn học; xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào đạt chuẩn đầu ra, nhất là khóa luận tốt nghiệp và các học phần thay thế.

4. Chú trọng thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra; điều chỉnh các hoạt động thực hành, thực tập để phát huy nhiều hơn kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Anh; có kế hoạch tổ chức nhiều hơn các buổi tập huấn, hội thảo, báo cáo chuyên đề có nội dung chuyên sâu về phương pháp dạy học tích cực và thiết kế hoạt động dạy học hướng tới chuẩn đầu ra, đảm bảo việc ứng dụng các phương pháp dạy học hiện đại được triển khai đồng bộ; chú trọng rèn luyện cho người học các kỹ năng tra cứu, tìm kiếm thông tin để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Ban hành quy định, hướng dẫn thống nhất và nâng cao năng lực cho giảng viên về thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; thiết kế các thang đánh giá các hình kiểm tra đánh giá như thuyết trình, bài tập lớn, thực hành, thực tập, nhất là báo cáo thực tập của học kỳ doanh nghiệp chi tiết, cụ thể để đảm bảo đánh giá được chính xác, có thể phân hóa sinh viên, và đáp ứng quy định; hoàn thiện việc xử lý kết quả thống kê kiểm tra đánh giá của các học phần gắn với phân tích phổ điểm một cách khoa học.

6. Đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực và phù hợp xu hướng tự chủ: hoàn thiện công cụ, phương thức và bộ chỉ số KPIs để đánh giá, ghi nhận kết quả đóng góp gắn với đãi ngộ để tạo động lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; có hướng dẫn về hoạt động phục vụ cộng đồng và yêu cầu giảng viên thực hiện; có chính sách, cơ chế đồng bộ để thu hút, giữ chân giảng viên có trình độ cao, có năng lực phù hợp với yêu cầu đổi mới CTĐT; ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ và thúc đẩy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hợp tác trong và ngoài nước để thu hút nguồn lực xã hội; đẩy mạnh các nghiên cứu có tính liên ngành, tăng cường công bố quốc tế và thúc đẩy các nghiên cứu ứng dụng có khả năng chuyển giao.

7. Rà soát các chỉ số cụ thể về phát triển đội ngũ nhân viên trong giai đoạn phát triển; ổn định cơ cấu tổ chức, nhân sự để đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc; nghiên cứu bổ sung cán bộ thực hiện nhiệm vụ giáo vụ và phụ trách phòng thực hành cho Khoa; thực hiện khảo sát, đánh giá, xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên được tham dự các khóa bồi dưỡng, tăng cường năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo đặc thù của từng vị trí việc làm.

8. Có kế hoạch định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh; phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần cung cấp cho thị trường lao động; xem xét tăng cường các hoạt động trải nghiệm và thực hành, tổ chức các câu lạc bộ hoạt động hiệu quả; có bộ phận hỗ trợ tâm lý, tinh thần; định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đối tượng sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

9. Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, bài giảng để bổ sung nguồn học liệu nội sinh; có kế hoạch đầu tư xây dựng thư viện điện tử, tăng hiệu quả sử dụng, mở rộng nguồn học liệu và khả năng truy cập và tăng cường các giải pháp về văn hóa đọc như đầu tư trang thiết bị, đa dạng, hiện đại hóa dịch vụ thông tin thư viện, hình thành môi trường đọc thân thiện thuận lợi

cho bạn đọc; đầu tư kinh phí cho hệ thống máy chủ với cấu hình mạnh để có thể lưu trữ cơ sở dữ liệu dùng chung của hệ thống phần mềm tích hợp đáp ứng hiệu quả bền vững quản trị đại học tiên tiến.

10. Tăng cường khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, tham chiếu các căn cứ pháp lý và các định hướng kỹ năng cần thiết đối với người học để rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và CTĐT; có quy định, hướng dẫn và nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên về nguyên lý phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; có chính sách và giải pháp cụ thể, có tính hệ thống và đồng bộ để thúc đẩy các chương trình, đề tài nghiên cứu theo hướng tạo ra các sản phẩm nghiên cứu khoa học liên ngành, ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học; tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để tạo tiền đề phát triển, xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường và cải tiến chất lượng liên tục CTĐT.

11. Điều chỉnh và cập nhật CTĐT theo hướng mở, linh hoạt và liên ngành; quan tâm đến đào tạo cá thể hóa và năng lực học tập suốt đời để đáp ứng nhu cầu của người học và các nhà tuyển dụng, đặc biệt là yêu cầu thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng khu vực tư nhân và liên doanh; thúc đẩy mạnh mẽ văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để tăng cường khả năng thích ứng của công dân trong kỷ nguyên mới.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Du lịch – Ngoại ngữ cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

-----